

Số: 703/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1000/2020/TLST-VHNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Trần Thị Lệ G**, sinh năm 1991.

Ông **Trần Trung T**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Bà Trần Thị Lệ G và ông Trần Trung T thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ G và ông Trần Trung T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị Lệ G và ông Trần Trung T:

Giao cháu Trần Minh N, sinh ngày 02/6/2017 cho bà G chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T có quyền thăm nom con không trực tiếp nuôi không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ G và ông Trần Trung T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị Lệ G và ông Trần Trung T:

Giao cháu Trần Minh N, sinh ngày 02/6/2017 cho bà G chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T có quyền thăm nom con không trực tiếp nuôi không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Lệ G và ông Trần Trung T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0008825 ngày 16/3/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí bà G và ông T phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Lan Hương**